

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 561/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/11/2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn ;

Bà Nguyễn Thị Thuần

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 372/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐ-HPT ngày 31/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Số nhà B, hẻm A X, tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Vũ N, sinh năm 2001; Nơi thường trú: Số nhà B, hẻm A X, tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 24/7/2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn H và chị Vũ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường X ngày 22/7/2021 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà anh H tại tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Tháng 10/2021, chị N sinh con là cháu Nguyễn Gia L. Sau khi kết hôn, chị N tiếp tục đi học đại học. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm

sống, suy nghĩ chưa chín chắn nên phát sinh xung đột. Anh H có nói chuyện với chị N về việc hai vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị N không đồng ý. Khi hai vợ chồng chuẩn bị làm thủ tục thuận tình ly hôn, chị N chuyển ra ngoài sinh sống một mình, anh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cùng với cha mẹ anh. Thỉnh thoảng chị N gọi điện bảo anh mang con đến chỗ chị kinh doanh để gặp con hoặc thỉnh thoảng chị N về nhà thăm con. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Chị N lúc đầu đồng thuận ly hôn với anh, hai vợ chồng đã ký đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó, chị N không đồng ý cùng anh lên Tòa án làm thủ tục, mà bảo anh tự làm một mình nên anh phải làm đơn ly hôn đơn phương. Chị Ngọc G nơi ở, không nói với anh, anh chỉ biết chị N phụ bán hàng ăn ở T vì chị bảo anh mang cháu L ra đó cho chị gặp cháu L, chơi với cháu. Thời gian gần đây, chị N mới chuyển chỗ làm khác, anh chưa biết chỗ nào.

Về con chung: Anh H và chị N có một con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/10/2021. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L sau ly hôn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh H bán hàng tự do trên mạng (O), thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 50 triệu đồng. Sau khi chị N bỏ ra ngoài sinh sống, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và có sự trợ giúp của bố mẹ anh trong việc trông nom cháu. Anh H vẫn tạo điều kiện cho chị N về nhà anh thăm nom cháu và thực tế, anh vẫn đưa cháu L ra chơi chỗ chị N làm để hai mẹ con được gặp nhau. Anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị N không có tài sản chung, nợ chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Vũ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (Tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ thường trú) đến Tòa án để cung cấp lời khai, ý kiến để tham gia phiên họp, hòa giải nhưng chị N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ hay đưa ra ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, Tòa án đến nơi chị N thường trú để thu thập lời khai, tài liệu, chứng cứ nhưng chị N không có nhà nên không thu thập được lời khai, ý kiến của chị N

Địa phương nơi chị N thường trú cung cấp: Chị Vũ N, anh Nguyễn H đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số nhà B, hẻm A X, tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Chị N đã ra ngoài sinh sống được một thời gian nhưng không rõ ngày tháng cụ thể, không biết chị N đi đâu, làm gì. Anh chị không đề nghị hòa giải nên tổ dân phố không rõ nguyên nhân ly hôn của anh H, chị N. Hàng xóm phản ánh là vẫn thấy chị N đi lại nhưng không biết chị N đi đâu, làm gì. Anh H làm tự do, bán hàng trên mạng còn chị N sau khi kết hôn vẫn còn đi học, không rõ hiện tại chị N có đi làm gì không.

Tại phiên tòa:

- Anh H trình bày : Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N; Giao con chung của anh chị là cháu L cho

anh nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con ; Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H đã chấp hành các quy định tại Điều 70,71, 234, chị N không chấp hành và từ chối thực hiện quy định tại Điều 70,71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị N; Anh huy được ly hôn với chị N; Giao cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/10/2021 cho anh H nuôi dưỡng, không buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ N là bị đơn trong vụ án thường trú và cư trú tại tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt chị N: Chị N đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Vũ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường X ngày 22/7/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà anh H tại tổ dân phố số H, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Theo anh H, tháng 7/2023 anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hai anh chị sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ chưa chín chắn nên phát sinh xung đột và anh H có nói chuyện với chị N về việc hai vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ. Trước khi anh H làm đơn khởi kiện ly hôn với

chị N ra Tòa án, anh chị đã cùng làm đơn thuận tình ly hôn nhưng do chị N không đến Tòa án làm việc nên anh H làm đơn khởi kiện ly hôn với chị N. Do đó, mặc dù Tòa án không thu thập được lời khai của chị N đối với yêu cầu ly hôn của anh chị nhưng thông qua đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án của hai anh chị thể hiện chị N cũng có nguyện vọng ly hôn và anh chị có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly hôn. Anh H, chị N đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay và hai bên không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn. Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải nhưng không đến Tòa án theo triệu tập chứng tỏ chị N cũng không có nguyện vọng hòa giải. Xét chị N, anh H không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H với chị N.

2.2. Về con chung : Anh H và chị N có một con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/10/2021. Sau khi chị N bỏ ra ngoài sinh sống, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và được sự trợ giúp của bố mẹ anh H trong việc trông nom, chăm sóc cháu. Xét cháu L hiện do anh H nuôi dưỡng, anh H có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định trong cuộc sống của trẻ, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu L cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn. Chị N là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng : Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Hội quy định về án lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn H đối với chị Vũ N.

3. Về quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn H được ly hôn với chị Vũ N.

4. Về con chung: Anh H, chị N có một con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/10/2021. Giao con chung là L cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

5. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia L cho chị N cho đến khi có sự thay đổi khác.

6. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

7. Về án phí : Anh Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0021801 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Anh H đã nộp đủ án phí.

8. Về quyền kháng cáo : Anh Huy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan